

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-PT

Ngày: 24 – 02 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Thường.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thúy Liên;  
Bà Đỗ Thị Thắm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2020/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị N; cư trú tại: Thôn M, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định. (CM)

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị H; cư trú tại: Thôn B, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định. (CM)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Quốc T; cư trú tại: Thôn B, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định. (VM)

- *Người kháng cáo:* Bà Thái Thị H là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Văn Thị N trình bày:*

Giữa bà và bà H là chỗ quen biết nhau, nên khi bà H cần tiền để trả cho Ngân hàng thì bà hỏi mượn tiền của bà. Bà H đã mượn của bà tất cả 04 lần, cụ thể: Vào ngày 08/5/2018 mượn 528.000.000 đồng, ngày 08/6/2018 mượn 60.000.000 đồng, ngày 08/7/2018 mượn 50.000.000 đồng và ngày 08/8/2018 mượn 77.000.000 đồng, bà H có viết cho bà 03 giấy mượn tiền (trong đó có một tờ giấy bà viết mượn tiền 02 lần ngày 08/8/2018 mượn 77.000.000 đồng), với tổng số tiền là 715.000.000 đồng, trong giấy không thể hiện thời gian trả, nhưng hai bên thỏa thuận sau 30 ngày (tính từ ngày mượn lần cuối là ngày 08/8/2018) bà H sẽ trả đủ cho bà hết số tiền mà bà H đã mượn là 715.000.000 đồng. Quá ngày hẹn trả nợ nhưng bà H không trả, bà đã nhiều lần yêu cầu bà H trả hết số tiền mượn cho bà nhưng bà H vẫn không trả. Do bà H vi phạm cam kết trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà H phải trả cho bà số tiền 715.000.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm khác.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn bà Thái Thị H trình bày:*

Bà thừa nhận có vay tiền của bà N nhiều lần để đáo hạn Ngân hàng, với lãi suất 9%/tháng, trả lãi hàng tháng, những tháng nào bà chưa trả lãi cho bà N thì bà N cộng tiền gốc với tiền lãi nhập lại và buộc bà viết giấy mượn tiền, bà có viết tất cả là 03 giấy mượn tiền, trong đó có 01 giấy bà viết hai lần mượn, tổng cộng số tiền bà viết giấy mượn tiền cho bà N với số tiền 715.000.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà trả nợ thì bà chấp nhận nợ và xin được trả dần làm 02 đợt, hai bên đã thỏa thuận, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự vào ngày 05/8/2019; nhưng sau đó bà làm đơn thay đổi sự thỏa thuận vào ngày 05/8/2019, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, vì thực tế số tiền bà ghi giấy nợ cho bà N là tiền lãi. Bà chịu trách nhiệm trong việc vay tiền của bà N, chồng bà là ông Nguyễn Quốc T không biết gì về việc này.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định quyết định:*

Buộc bà Thái Thị H phải trả cho bà Văn Thị N 715.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 19/11/2019, bà Thái Thị H kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật

tổ tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Hiền, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Án sơ thẩm buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà N 715.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của các đương sự tại cấp sơ thẩm bà H thừa nhận có vay tiền và viết giấy mượn tiền của bà N 03 giấy mượn 04 lần tiền tổng cộng 715.000.000 đồng theo các giấy nợ ghi 08/5/2018, ngày 08/6/2018, ngày 08/7/2018 và ngày 08/8/2018 chưa thanh toán. Bà H kháng cáo cho rằng thực tế số tiền bà ghi trên giấy nợ cho bà N đó là tiền lãi cộng dồn chứ không phải tiền bà vay thực tế của bà N nhưng không được bà N thừa nhận trong khi đó bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy nợ này xác định bà H còn nợ bà N 715.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ đúng quy định tại các Điều 463, 466, 467, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bà H phải chịu 32.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 467, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc bà Thái Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Văn Thị N 715.000.000 đồng (Bảy trăm mười lăm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu của bà Thái Thị H không trả nợ cho bà Văn Thị N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

4.1. Bà Văn Thị N được nhận lại 18.300.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007916 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

4.2. Bà Thái Thị H phải chịu 32.600.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Bà Thái Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005947 ngày 20/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H; bà H đã nộp xong.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thường**